TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐÔNG ANH** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 169/2020/DS - ST
Ngày: 22 - 9 - 2020.
Về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG ANH - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Hữu Đệ.

Bà Nguyễn Thị Mai.

- Thư ký phiên toà: Ông Hoàng Xuân Hiếu – Thư ký Toà án nhân dân huyện Đông Anh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 22/9/2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số: 143/2020/TLST-DS ngày 25 tháng 6 năm 2020 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 62/2020/QĐXXST - DS ngày 19 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên toà số 62/2020/QĐST – DS ngày 04 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP X.

Trụ sở chính: xxx - xxx NK, phường x, quận x, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D – Tổng Giám đốc theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 030110xxxx ngày 26/01/2018.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Anh V, chức vụ: Giám đốc Chi nhánh Hà Nội - Ngân hàng TMCP X. (Theo Giấy ủy quyền số 4279/2019/GUQ - PL ngày 26/12/2019 của Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP X v/v ký hợp đồng/ thỏa thuận, văn bản và thẩm quyền tham gia tố tụng).

Người được ủy quyền lại tham gia quá trình tố tụng: Ông Đinh Công Tuấn N, chức vụ: Nhân viên hỗ trợ; Ông Nguyễn Văn M, chức vụ: Chuyên viên quản lý nợ Phòng kiểm soát rủi ro Ngân hàng TMCP X Chi nhánh Hà Nội (Theo Giấy ủy quyền số 124/2020/GUQ-CNHN ngày 06/7/2020 của Giám đốc Chi nhánh Hà Nội - Ngân hàng TMCP X. Có mặt tại phiên tòa.

Bị đơn: Anh Phùng Thế A, sinh năm 1985.

Hộ khẩu thường trú: Xóm T, xã UN, huyện Đ, thành phố Hà Nội; Nơi ở: Cxx, tổ x, thị trấn Đ, huyện Đ, thành phố Hà Nội. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ngày 30/6/2016, Ngân hàng thương mại cổ phần X và anh Phùng Thế A đã ký kết Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng, bản Điều khoản Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng) Căn cứ thu nhập của anh Phùng Thế A, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là: 10.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng, anh Thế A đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là: 109.200.000 đồng và anh Thế A đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền là: 100.055.000 đồng.

Số tiền còn lại anh Phùng Thế A không thanh toán cho Ngân hàng nên Ngân hàng đã nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng anh Phùng Thế A vẫn không trả nợ. Do anh Thế A vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Điều 2 của bản Điều khoản Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng nên ngày 01/11/2017, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn theo Điều 23 của bản Điều khoản Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng.

Theo đại diện Ngân hàng thương mại cổ phần X xác định: Tính đến ngày 18/8/2020, anh Phùng Thế A còn nợ Ngân hàng số tiền cụ thể: 28.225.791 đồng gồm:

- Dư nợ thẻ: 12.400.291 đồng.
- Nợ lãi: 15.825.500 đồng.

Ngoài ra, Ngân hàng thương mại cổ phần X xác định giữ nguyên các yêu cầu khi khởi kiện và không sửa đổi, bổ sung hay rút yêu cầu khởi kiện.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Đề nghị anh Phùng Thế A chịu toàn bộ theo quy định của pháp luật.

Bị đơn anh Phùng Thế A vắng mặt tại nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm T, xã UN, huyện Đ, thành phố Hà Nội khi Tòa án liên hệ để tống đạt các văn bản tố

tụng. Theo gia đình bố vợ anh cung cấp thì trước đây anh và vợ có đăng ký hộ khẩu thường trú tại đây nhưng anh đã chuyển đi ở nơi khác, không liên hệ về nhà nên gia đình không biết anh Thế A đang sinh sống tại đâu. Tòa án đã tiến hành xác minh tại nhà bố mẹ đẻ của anh Thế A nhưng gia đình xác định anh không sống tại đây cùng gia đình và mọi người cũng không biết anh đang sinh sống tại đâu. Do không liên hệ và tống đạt trực tiếp các văn bản tố tụng cho anh Thế A nên đã Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng anh Thế A không đến Tòa án để cung cấp các ý kiến cũng như các tài liệu, chứng cứ liên quan đến yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần X đối với anh.

Tại phiên tòa, người đại diện của Ngân hàng thương mại cổ phần X xác định: Tính đến ngày 22/9/2020, anh Phùng Thế A còn nợ Ngân hàng số tiền cụ thể: 28.768.291 đồng (Hai mươi tám triệu, bảy trăm sáu mươi tám nghìn, hai trăm chín mươi mốt đồng), trong đó cụ thể:

- Dư nợ thẻ là: 12.400.291 đồng.
- Nợ lãi quá hạn là: 16.368.000 đồng.

Theo Khoản 1.9 Điều 1 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng thương mại cổ phần X có quy định: *"Dư nợ thẻ (gọi tắt là dư nợ): là tổng số nợ của tài khoản bao gồm tất cả số tiền giao dịch, phí và tiền lãi liên quan đến việc sử dụng thẻ".* Do vậy số dư nợ thẻ của anh Phùng Thế A cụ thể bao gồm:

- Từ ngày 31/07/2016 – 30/06/2017 tổng phát sinh giao dịch rút tiền mặt/mua hàng hóa: 109.200.000 đồng, tổng thanh toán 99.500.000 đồng, còn lại 9.700.000 đồng chưa thanh toán.

- Từ ngày 31/05/2017 – 31/10/2017 tổng phát sinh phí trễ hạn là: 682.894 đồng, tổng thanh toán 51.817 đồng, còn lại 631.077 đồng chưa thanh toán.

- Từ ngày 31/07/2016 – 31/10/2017 tổng phát sinh lãi trong hạn: 1.674.397 đồng, tổng thanh toán 204.183 đồng, còn lại 1.470.214 đồng chưa thanh toán.

- Từ ngày 31/05/2017 – 31/10/2017 tổng phát sinh phí vượt hạn mức: 300.000 đồng, đã thanh toán 0 đồng, còn lại 300.000 đồng chưa thanh toán.

- Từ ngày 31/07/2016 – 31/07/2010 tổng phát sinh phí thường niên: 598.000 đồng, tổng đã thanh toán 299.000 đồng, còn lại 299.000 đồng chưa thanh toán.

Tổng số tiền phát sinh là 112.455.291 đồng trong đó tổng số tiền đã thanh toán là 100.055.000 đồng, tổng số tiền còn lại là 12.400.291 đồng chưa thanh toán.

Ngày 01/11/2017, Ngân hàng chuyển toàn bộ số tiền chưa thanh toán là 12.400.291 đồng thành dư nợ thẻ quá hạn. Theo Điều 22 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng thương mại cổ phần X

có quy định cách tính lãi: *"Chủ thẻ đồng ý thanh toán lãi phát sinh trên Tài khoản. Lãi được tính như sau:*

- Đối với giao dịch mua hàng hóa (không áp dụng với thẻ tín dụng Family), phí, lệ phí và tất cả những khoản nợ khác trên tài khoản (ngoại trừ giao dịch rút tiền mặt): Nếu chủ thẻ không thanh toán toàn bộ số tiền đến hạn đầy đủ đúng hạn vào hoặc trước ngày đến hạn, chủ thẻ phải thanh toán lãi cho đơn vị phát hành thẻ đối với tất cả các khoản nợ được thể hiện trong thông báo giao dịch hiện tại và đối với bất kỳ khoản nợ nào phát sinh sau đó trong tài khoản cho đến khi toàn bộ các khoản nợ đến hạn ghi trong thông báo giao dịch mới nhất được thanh toán vào hoặc trước ngày đến hạn. Lãi được tính từ ngày giao dịch cho đến hết ngày việc thanh toán được thực hiện đầy đủ.

- Đối với giao dịch mua hàng hóa bằng thẻ tín dụng Family, lãi sẽ được tính từ thời điểm Chủ thẻ thực hiện giao dịch cho đến hết ngày chủ thẻ thanh toán lại toàn bộ số tiền đã sử dụng."

Theo Điều 23 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng: Khi khách hàng vi phạm nghĩa vụ thanh toán phát sinh nợ quá hạn, Ngân hàng sẽ áp dụng mức lãi suất nợ quá hạn là 150% của lãi suất được công bố áp dụng tại thời điểm hiện tại (thời điểm quá hạn) đối với toàn bộ dư nợ quá hạn là 12.400.291 đồng; mức lãi suất quá hạn được tính bằng 150% lãi suất trong hạn được công bố tại thời điểm quá hạn là: 2,5%, do vậy lãi quá hạn là: 150% X 2,5%/tháng = 3,75%/tháng.

Do vậy, anh Phùng Thế A phải có trách nhiệm thanh toán số nợ đối với Ngân hàng là: 28.768.291 đồng (Hai mươi tám triệu, bảy trăm sáu mươi tám nghìn, hai trăm chín mươi mốt đồng) và tiếp tục chịu lãi theo lãi suất đã thỏa thuận trong Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng, bản Điều khoản Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng) ngày 30/6/2016 với Ngân hàng trên dư nợ gốc kể từ ngày 23/9/2020 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ. Việc vợ anh Phùng Thế A là chị Nguyễn Thị T có đến Tòa án trình bày về việc anh Thế A nhận được giấy báo đến phiên tòa nhưng do bận đi công tác nên chị đến thay và trình bày nhận trả nợ khoản vay qua thẻ tín dụng trên nhưng đề nghị chỉ trả dư nợ thẻ là 12.400.291 đồng bằng phương thức trả nợ dần và xin được miễn toàn bộ lãi quá hạn thì Ngân hàng không nhất trí, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra Ngân hàng vẫn giữ nguyên các ý kiến, yêu cầu đã trình bày với Tòa án.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh tham gia phiên tòa sau khi nhận xét, đánh giá quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và sự chấp hành pháp luật của các đương sự đã xác định:

Áp dụng: Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 471, 474, 476, 478 Bộ luật Dân sự năm 2005; Luật các tổ chức tín dụng; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thượng vụ Quốc hội.

Đề nghị Tòa án: Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng thương mại cổ phần X đối với anh Phùng Thế A về tranh chấp hợp đồng tín dụng. Về án phí: Anh Phùng Thế A phải chịu án phí có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng công khai tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về phần thủ tục:

Anh Phùng Thế A là bị đơn, có đăng ký hộ khẩu thường trú tại xóm T, xã UN, huyện Đ, thành phố Hà Nội. Khi ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng thương mại cổ phần X anh Thế A vẫn đang ở địa chỉ trên. Theo kết quả xác minh mà Tòa án thu thập được thì anh Thế A hiện nay vắng mặt tại nơi đăng ký hộ khẩu thường trú. Đại diện gia đình và chính quyền địa phương nơi anh Thế A đăng ký hộ khẩu thường trú đều xác định anh đã đi nơi khác sinh sống nhưng hiện không rõ đang ở đâu và không liên lạc gì với gia đình. Ngân hàng không biết hiện anh Thế A đang ở đâu, khi anh thay đổi nơi cư trú cũng không thông báo gì với Ngân hàng. Như vậy anh Thế A đã không thực hiện đúng nghĩa vụ của mình khi thay đổi nơi cư trú theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật Dân sự năm 2015. Theo hướng dẫn tại điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao đây thuộc trường hợp cố tình giấu địa chỉ và Tòa án tiếp tục giải quyết theo thủ tục chung. Tuy nhiên ngày 15/9/2020, anh Thế A đến Tòa án liên hệ công việc và Tòa án đã tống đạt trực tiếp thông báo thụ lý vụ án và giấy báo đến phiên tòa cho anh Thế A nhưng anh vẫn vắng mặt lần thứ hai. Tuy nhiên, chị Nguyễn Thị T vợ anh Thế A có đến Tòa án trình bày lý do anh không đến Tòa án là do anh bận đi công tác. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự và giành quyền kháng cáo cho họ theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

Xét Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng, bản Điều khoản Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của

Ngân hàng) ngày 30/6/2016: Ngân hàng thương mại cổ phần X đã cung cấp các tài liệu thể hiện việc ký kết, nội dung các thoả thuận nêu trên là đúng quy định về hoạt động của ngân hàng thương mại quy định tại Điểm d Khoản 3 Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng; phù hợp quy định tại Khoản 7 Điều 16 Quyết định số 1627/2011/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc ngân hàng Nhà nước về việc ban hành quy chế cho vay của các tổ chức tín dụng đối với khách hàng; Thông tư số 19/2016/TT-NHNN ngày 30/6/2016 và Thông tư số 26/2017/TT-NHNN ngày 29/12/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 19/2016/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động thẻ Ngân hàng. Anh Phùng Thế A không cung cấp cho Tòa án các ý kiến, quan điểm của anh đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì khác. Chị T vợ anh Thế A có trình bày ý kiến, xác định: Thẻ tín dụng trên do anh Thế A đứng tên làm thủ tục thẻ cho một người anh em sử dụng nhưng họ không trả nợ và đã bỏ đi nên anh Thế A sẽ có trách nhiệm trả nợ. Tuy nhiên do khó khăn nên chị xin trả nợ dần và chỉ trả số tiền dư nợ thẻ là 12.400.291 đồng, đề nghị Ngân hàng miễn giảm toàn bộ lãi cho anh Thế A. Chị T trình bày ý kiến nhưng không giao nộp tài liệu, chứng cứ chứng minh cho ý kiến của mình là có căn cứ và cũng không có yêu cầu gì khác ngoài việc đề nghị trả nợ dần khoản nợ theo thẻ tín dụng của anh Thế A và xin miễn toàn bộ lãi. Do vậy trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ xác định: Khi ký kết các thỏa thuận trên các bên có đầy đủ tư cách pháp nhân, năng lực hành vi dân sự, tự nguyện nên Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng, bản Điều khoản Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng) ngày 30/6/2016 được ký kết giữa Ngân hàng thương mại cổ phần X và anh Phùng Thế A là hợp pháp. Theo các tài liệu chứng cứ nguyên đơn cung cấp thì anh Thế A còn nợ Ngân hàng số tiền tính đến ngày 22/9/2020 là:

- Dư nợ thẻ: 12.400.291 đồng (chốt từ ngày 01/11/2017).
- Nợ lãi quá hạn: Tính theo lãi suất quá hạn là: 150% x 2,5%/tháng – 3,75%/tháng x 12.400.291 đồng x thời gian từ ngày 01/11/2017 đến ngày xét xử.

Các yêu cầu của nguyên đơn về nợ gốc và tính lãi quá hạn là phù hợp quy định của pháp luật, các thỏa thuận trong hợp đồng thẻ mà các bên đã tự nguyện ký kết nên được chấp nhận.

[3] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm*:* Tổng tài sản tranh chấp là 28.768.291 đồng (Hai mươi tám triệu, bảy trăm sáu mươi tám nghìn, hai trăm chín mươi mốt đồng). Án phí là: 28.768.291 đồng x 5% = 1.438.414 đồng (Một triệu, bốn trăm ba

mươi tám nghìn, bốn trăm mười bốn đồng). Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên anh Phùng Thế A phải chịu toàn bộ án phí.

Ngân hàng thương mại cổ phần X được chấp nhận toàn bộ yêu cầu nên không phải chịu án phí và được hoàn trả tiền tạm ứng án phí 650.000 đồng (Sáu trăm năm mươi nghìn đồng) đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/001xxxx ngày 19/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Anh.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Các điều 471, 474 và Điều 476 Bộ luật Dân sự 2005;
- Các Điều 26, 35, 39, 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;
- Khoản 2 Điều 91 Luật Tổ chức tín dụng năm 2010;
- Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước ban hành Quy chế cho vay của Tổ chức tín dụng đối với khách hàng được sửa đổi, bổ sung bằng Quyết định số 127/2005/QĐ-NHNN ngày 03/2/2005;
- Án lệ số 08/2016/AL;
- Luật Thi hành án dân sự;
- Nghị quyết số 01/2019/NQ – HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thượng vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần X đối với anh Phùng Thế A về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Tính đến ngày 22/9/2020, anh Phùng Thế A còn nợ Ngân hàng số tiền cụ thể: 28.768.291 đồng (Hai mươi tám triệu, bảy trăm sáu mươi tám nghìn, hai trăm chín mươi mốt đồng), trong đó cụ thể:

- Dư nợ thẻ là: 12.400.291 đồng.
- Nợ lãi quá hạn là: 16.368.000 đồng.

[2] Buộc anh Phùng Thế A phải thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần X tổng số tiền tính đến ngày 22/9/2020 là: 28.768.291 đồng (Hai mươi tám triệu, bảy trăm sáu mươi tám nghìn, hai trăm chín mươi mốt đồng). Anh Phùng Thế A phải tiếp tục chịu lãi trên dư nợ thẻ tính từ ngày 23/9/2020 theo lãi suất quá hạn đã thỏa thuận trong Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng, bản Điều khoản Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng) ngày 30/6/2016 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ. Mức lãi suất quá hạn mà anh Phùng Thế A phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần X theo quyết định của Tòa án sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng thương mại cổ phần X theo thỏa thuận về cách tính lãi mà các bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng, bản Điều khoản Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng) ngày 30/6/2016.

Trường hợp quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định của Luật Thi hành án dân sự.

[3] ***Về án phí dân sự sơ thẩm:***

Anh Phùng Thế A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 1.438.414 đồng (Một triệu, bốn trăm ba mươi tám nghìn, bốn trăm mười bốn đồng).

Ngân hàng thương mại cổ phần X được hoàn trả tiền tạm ứng án phí là: 650.000 đồng (Sáu trăm năm mươi nghìn đồng) đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/001xxxx ngày 19/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Anh.

Án xử công khai sơ thẩm, đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt bản án hợp lệ./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Đông Anh;
- Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội;
- THA dân sự huyện Đông Anh;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Thu Thanh